



HOÀI NIỆM VỀ: GIÁO SƯ NGUYỄN-HUY-ĐẦU, THÀY TÔI

Tạ-quốc-Tuân

Giáo sư Nguyễn Huy Đầu phát biểu trong cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân Cựu sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn năm 2000 tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.

Khi đọc báo **Luật Pháp & Đời Sống** tôi rất bàng hoàng thấy tin giáo sư Nguyễn-huy-Đầu đã qua đời ngày 22.9.2008. Tôi rất bàng hoàng vì tháng 7/2007 một người con gái chúng tôi đi công tác ở Virginia đã hầu chuyện điện thoại với giáo sư, mà giáo sư đã biết cháu, cùng những người con khác của tôi, từ năm 1970. Giáo sư cho hay giáo sư chỉ có già thôi chứ vẫn khỏe mạnh như thường. Hơn nữa, lúc đó vì giáo sư đang sửa soạn đi xa nên cháu không đến nhà thăm giáo sư và phu nhân được.

Tôi đã có cái may là vừa là môn sinh của giáo sư lại vừa là nhân viên làm việc dưới sự lãnh đạo của giáo sư trong những năm cuối cùng của Việt-nam Cộng-hòa.

Lần đầu tiên tôi gặp giáo sư tại Trường Luật ở Sài-gòn. Trong năm thứ ba Cử nhân Luật, niên học 1959-1960, ngoài chương trình thường xuyên ra, Trường Luật bắt đầu một chương trình mới là chương trình thực hành và môn thực hành đầu tiên là Dân Sự Tố Tụng do giáo sư Nguyễn-huy-Đầu phụ trách.

Điều ngạc nhiên và cũng vô cùng thích thú là giáo sư không ở trên bục giảng còn các sinh viên ngồi tại các bàn xếp bên dưới như mọi khi; trái lại, giáo sư cho xếp các bàn sinh viên quây lại nhau thành hình chữ nhật và giáo sư ngồi giữa các sinh viên (khoảng 30 người, kể cả tôi). Do một sự tình cờ (hay là do duyên tiền định), giáo

sư đến ngồi bên trái tôi. Trong suốt học kỳ giáo sư giữ nguyên chỗ ngồi này.

Vì khi đó giáo sư đang giữ chức Chánh Nhất Tòa Thượng Thẩm Sài-gòn (giáo sư giữ chức này từ đầu thập niên 1950) nên việc giảng dạy của giáo sư chú trọng về thực tế hơn là lý thuyết (những bài giảng của giáo sư sau được in thành sách).

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân, tôi theo học ban Cao học Kinh tế trước rồi Cao học Công pháp sau, nên tưởng không bao giờ còn gặp lại giáo sư nữa. Bẵng đi một thời gian 7, 8 năm. Lúc tôi đang làm việc tại Tòa Đại sứ VNCH ở Đài-bắc thì được tin giáo sư đã bỏ ngành tư pháp sang Bộ Ngoại giao, theo lời mời của Tổng trưởng Ngoại giao Trần-chánh-Thành (luật sư). Tại đây giáo sư giữ chức Tổng Thanh tra.



←Gs. Nguyễn Huy Đầu, Gs. Nguyễn Cao Hách và Gs. Nguyễn Văn Canh, trong cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân Cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn năm 2000 tại Houston, Texas Hoa Kỳ.

Giáo sư mới làm ở Bộ Ngoại giao được vài tháng thì tôi từ Đài-bắc trở về làm

việc ở Bộ Ngoại giao. Lúc này đây ông Trần-văn-Lắm (được sĩ) đã làm Tổng trưởng Ngoại giao thay ông Trần-chánh-Thành và giáo sư phụ trách Ban Nghiên cứu và Suru tầm. Khi gặp tôi ở bộ, giáo sư đề nghị tôi vào làm việc trong ban của giáo sư với chức vụ Chuyên viên Nghiên cứu Suru tầm đặc trách các vấn đề Cộng sản.

Vì ban Nghiên cứu Suru tầm mới được thành lập, không ai nhận thấy tầm quan trọng của nó, nên không



nhân viên ngoại giao và lãnh sự nào muốn làm việc ở ban này vì cho rằng làm công việc nghiên cứu sưu tầm rất buồn tẻ, không có vị thế, lại “không xứng đáng” với chức vụ ngoại giao lãnh sự, nhất là không có cơ hội gặp gỡ các nhân viên ngoại giao lãnh sự ngoại quốc, không được tham dự tiệc tùng của các sứ quán. Họ còn quan niệm rằng công việc nghiên cứu sưu tầm không giúp ích gì cho họ khi họ được cử đi làm việc ở các sứ quán. Trái lại, vì từ thuở còn học ở tiểu học, tôi hàng ngày đã chứng kiến phụ thân ngoài giờ làm việc ở sở ra lúc nào cũng cặm cụi nghiên cứu các vấn đề lịch sử và văn học, và vốn có óc tò mò luôn luôn muốn tìm hiểu mọi khía cạnh của bất cứ vấn đề, nên tôi đã say mê nghiên cứu từ khi bước chân lên trung học. Do đó, thấy đề nghị của giáo sư rất hợp với sở thích của mình, tôi bèn nhận lời ngay.

Tuy nhiên, chỉ mới làm việc với giáo sư có 5 tháng thì tôi lại được cử sang Ấn-độ làm việc. Tôi đã tưởng không bao giờ được làm việc với giáo sư nữa, nhưng chỉ non nửa năm sau, giáo sư cũng được cử sang làm Tổng Lãnh sự tại New Delhi.

Từ đây, trong ngót 4 năm trời, tôi đã làm việc dưới sự lãnh đạo của giáo sư. Trong thời gian này, tôi đã học hỏi được rất nhiều nơi giáo sư và cũng hiểu biết nhiều về tài năng, kiến thức và tính tình của giáo sư nhiều hơn.

Ấn-độ là đất Phật, vì đây là nơi đức Thích-ca Mâu-ni đản sinh (tại phần đất này nay thuộc nước Nepal), đi tu, ngộ đạo, truyền đạo và hóa thân; ngoài ra Phật học viện đầu tiên cũng được lập ở Nalanda thuộc tiểu bang Bihar. Trong khi đó, giáo sư là một Phật tử rất tinh thông Phật học. Giáo sư đã chỉ dẫn cho tôi, một người theo Công giáo, rất nhiều về đạo Phật. Từ đó tôi bắt đầu nghiên cứu đạo này. Ngoài ra, giáo sư cũng có một kiến thức quảng bác về lịch sử, tôn giáo và văn hóa Ấn-độ.

Vì thế, những lúc rảnh rỗi, không bận công vụ, hai thầy trò chúng tôi thường đi lùng kiếm các sách vở về đạo Phật, về lịch sử cũng như văn hóa Ấn-độ. Đây là chưa kể những dịp đi công tác xa, giáo sư và tôi bao giờ cũng dành thì giờ đi thăm những di tích lịch sử, tôn giáo và thắng cảnh trong vùng.

Ngoài đạo Phật ra, tôi còn học hỏi nơi giáo sư được rất nhiều về lịch sử và chính trị, dù là Việt-nam hay thế giới, vì giáo sư có một cái nhìn rất bao quát lại độc đáo về hai bộ môn này. Vì là một luật gia nên bất cứ một vấn đề nào cũng được giáo sư nghiên cứu đến

tận nguồn tận gốc, mổ xẻ, phân tích, đối chiếu, tổng hợp kỹ lưỡng trước khi đi đến kết luận. Cũng vì vậy, giáo sư trao cho tôi phụ trách các báo cáo chính trị cũng như thu thập tin tức, và thường luôn luôn bàn bạc cùng tôi, chỉ dẫn tôi, ý nghĩa, căn nguyên của từng vấn đề một.

←- *Từ trái sang phải: Một cựu sinh viên LK, Gs. Nguyễn Văn Canh, Phu nhân và Gs. Nguyễn Cao Hách, Gs. Nguyễn Huy Đẩu và CSVLK Tường Quy (Hình lưu niệm trong dạ tiệc tiền Hội Ngộ Mùa Xuân Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn năm 2000 tại Houston, Texas, Hoa Kỳ)*

Không giống như đa số các vị đại sứ khác, thường chỉ đọc báo chí địa phương nơi các vị làm việc để làm báo cáo trình về bộ, giáo sư còn cho mua thêm các báo và bản tin của các cơ quan đoàn thể trong nước, của những nước lân cận và cả quốc tế nữa, để dựa vào đó mà tìm hiểu, đối chiếu, phân tích các biến cố, các sự kiện chẳng những là có liên quan tới Ấn-độ mà nhất là có liên quan tới Việt-nam nữa. Vì vậy, hàng ngày và hàng tuần tôi phải đọc mấy chục tờ báo và bản tin để theo dõi tình hình Ấn-độ và Việt-nam về mọi phương diện. Thói quen mua nhiều báo đọc này tôi còn giữ khi sang định cư bên Mỹ, cho đến khi nghỉ hưu mới thôi vì không có tiền.

Dưới sự hướng dẫn của giáo sư, phương pháp nghiên cứu vấn đề của tôi có nhiều tiến bộ, giúp tôi chu toàn nhiệm vụ trước năm 1975 cũng như sau này trong các biên khảo của tôi.

Ngoài ra, được sự khuyến khích của giáo sư, ở Ấn-độ tôi đã theo học một khóa về Liên-hiệp-quốc Học (United Nations Studies) do Viện Liên-hiệp-quốc Học thuộc Liên Đoàn Các Hiệp Hội Liên-hiệp-quốc Ấn-độ (Institute of United Nations Studies of the Indian Federation of United Nations Associations) tổ chức (tháng 1-4, 1971), một khóa về Luật Hàng Không và Không Gian (Air and Space Law) do Học Viện Luật Hàng Không và Không Gian Ấn-độ (Indian Institute of Air and Space Law) tổ chức (tháng 6-11, 1971) cả hai ở New Delhi, và bắt đầu từ tháng 9/1973 còn theo học hàm thụ chương trình Master of Arts in Political Science của Trường Đại Học Himachal Pradesh thuộc tiểu bang Himachal Pradesh (đáng tiếc là mới học được 1 năm thì mãn nhiệm kỳ phải về làm việc ở Bộ Ngoại giao, tiếp theo là biến cố 30.4.1975, rồi tị nạn sang Hoa-kỳ, nên không tiếp tục học được nữa). Ở Trường Luật Sài-gòn, ít nhất là trong 6 năm đầu khi viện đại học



quốc gia được người Pháp trao trả lại, môn Luật Hàng Không và Không Gian không được giảng dạy (mặc dù trong môn Quốc Tế Công Pháp ở hai cấp Cử nhân và Cao học Công pháp có phần về chủ quyền lãnh không của quốc gia), còn môn Liên-hiệp-quốc Học không được giảng dạy đầy đủ thành một ban hay một ngành mà chỉ được giảng dạy cũng trong môn Quốc Tế Công Pháp ở cả hai cấp Cử nhân và Cao học Công pháp. Riêng môn Chính Trị Học thì ở năm thứ ba Cử nhân có giảng dạy dưới dạng thức nhập môn tư tưởng chính trị mà thôi.

Mặt khác, cuối năm 1973 tôi đã hoàn tất một tài liệu viết bằng Anh ngữ, *The Sovereignty over the Paracels and the Spratlys and International Law*, mà tôi từ cuối năm 1970 đã thu thập tài liệu và nghiên cứu trong hơn 3 năm ở Ấn-độ. Khi đánh máy xong tài liệu, tôi có trình giáo sư xem thì giáo sư đề nghị dùng nó làm luận án tiến sĩ luật khi có dịp.

Sau đó 2, 3 tuần thì xảy ra vụ Trung-Cộng cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa. Khi giáo sư được lệnh của Bộ Ngoại giao VNCH tới Bộ Ngoại giao Ấn-độ trình bày vấn đề và lập trường của VNCH, giáo sư đã dẫn tôi đi theo (hôm đó là chiều 30 Tết). Khi gặp ông Giám đốc phụ trách các quốc gia Đông-nam Á-châu (ông đã từng phục vụ tại Tòa Đại sứ Ấn-độ ở Bắc-kinh, giỏi Hoa ngữ và là một chuyên gia về Trung-quốc), giáo sư đã bảo tôi dựa vào tài liệu của tôi mà trình bày cho chính phủ Ấn-độ hay về chủ quyền của Việt-nam trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Chính một phần của tài liệu này, cuối năm 1974 đã được tôi trình bày lại bằng Việt ngữ để đăng trong **Tập San Sứ Địa** (do cố giáo sư Nguyễn-khắc-Kham giới thiệu) với nhan đề "*Nhận Xét Về Các Luận Cú Của Trung-hoa Liên Quan Tới Vấn Đề Chủ Quyền Hai Quần Đảo Hoàng-sa và Trường-sa*" (số 29, th. 1-3/1975, tr. 217-257), và từ đó được hiệu đính và bổ túc vài lần rồi đăng trong một số báo ở Hoa-kỳ và Gia-nã-đại, gần đây nhất là trong báo **Luật Pháp & Đời Sống** (từ số 50 đến số 55, với nhan đề hơi thay đổi).

Trong những dịp đi công tác xa với giáo sư, tôi còn biết thêm được là giáo sư có tính xuề xòa, không bao giờ quan tâm đến việc mình là trưởng một nhiệm sở ngoại giao. Vì thế, những lúc đi đường, giáo sư có thể dừng lại giữa đường ăn uống. Tôi còn nhớ mãi, có một lần hai thầy trò chúng tôi đi công tác ở Bangalore (còn viết là Bangaluru), thủ phủ của tiểu bang Karnataka ở tây-nam bộ Ấn-độ. Sau khi hoàn tất công tác, trên đường về không thấy có một tiệm ăn nào cả, mà chúng tôi đều rất đói. Nửa đường, thấy có một quán cóc dưới một gốc cây to, giáo sư bảo tài xế dừng xe lại, rồi giáo sư thân nhiên ngồi xuống chiếc ghế dài là một thân cây còn nguyên cả vỏ cây, gọi món ăn, rồi ăn một cách tự nhiên, rất là ngon lành.

Giáo sư rất thưởng thức những món ăn Ấn-độ, cho nên mỗi khi đi công tác giáo sư không như các nhân viên khác linh kinh mang theo cơm và các món ăn Việt-nam. Có lần hai thầy trò chúng tôi đi công tác xa một tuần lễ, ngày ba bữa giáo sư toàn ăn các món Ấn-độ, mặc dù có nhiều tiệm ăn bán cả đồ ăn Âu-Mỹ nữa. Đây cũng là một điểm hai thầy trò chúng tôi giống nhau.

Xét về một phương diện khác, giáo sư là người rất thanh liêm. Trong thời gian làm việc chung với giáo sư, tôi chưa lần nào thấy giáo sư làm điều mờ ám về tiền nong. Vì ngoài phận sự chính về ngoại giao và lãnh sự sự vụ ra, tôi còn làm quản lý kế toán của sứ quán. Trong ngân quỹ của bất cứ một sứ quán nào cũng có một khoản tiền, thường được gọi là "quỹ mật" để dùng vào việc mua tin mật hay trả thù lao, phí tổn cho những người hay hội đoàn có nhiều thế lực hoặc ảnh hưởng để họ phổ biến tin tức hay chính sách, lập trường, v.v., của VNCH. Trong khi nhiều ông đại sứ, tổng lãnh sự khác đã lấy tin tức đăng trong báo địa phương và báo cáo là tin mật mua được, rồi lấy tiền quỹ mật bỏ túi riêng (có ông còn lấy tiền đó mua vé máy bay đưa vợ con đi chơi riêng không có dính dáng đến một công tác nào cả, trả tiền khách sạn, tiền ăn uống, tiền giặt giữ quần áo, tiền in ảnh chụp trong chuyến đi, v.v.) thì giáo sư mỗi lần mua được một tin mật nào hoặc nhờ được người nào viết bài hay lên tiếng hộ, cũng đều bảo tôi viết chi phiếu hoặc lấy tiền mật đúng số tiền trả và tận tay trao cho những người này.

Mới làm việc với giáo sư được hơn 3 năm thì giáo sư được cử đi làm Đại sứ ở vương quốc Maroc. Trước khi đi, giáo sư có nói với tôi là sẽ xin Bộ Ngoại giao VNCH cử tôi sang Maroc làm việc và khi tôi mãn nhiệm kỳ ở Ấn-độ về Sài-gòn thì hay tin Bộ đã chấp thuận yêu cầu của giáo sư rồi. Tuy nhiên, thủ tục chưa làm kịp thì xảy ra biến cố 30.4.1975, nên tôi đã lỡ mất cơ hội lại làm việc với giáo sư.

Một việc khác chúng tôi mỗi quan tâm của giáo sư đối với gia đình tôi dù tôi không được làm việc với giáo sư nữa. Đó là khi hay tin tôi mãn nhiệm kỳ ở Ấn-độ trở về Sài-gòn tháng 6/1974, từ Maroc giáo sư viết thư ngay về cho ái nữ thứ nhất, lúc đó đang làm việc cho cơ quan United States Catholic Charities (U.S.C.C.), nhờ kiếm việc làm cho nhà tôi. Do đó, vừa về tới Sài-gòn được một hôm là nhà tôi đã được tuyển vào làm phụ tá cho nữ tu Giám đốc Cô nhi Viện Bình-triệu. Cũng nhờ thế mà cuối tháng 4/1975 gia đình tôi đã được đưa sang Hoa-kỳ. Gia đình chúng tôi mãi mãi nhớ ơn gia đình giáo sư.

Sau biến cố 30.4.1975, khi từ Maroc sang ở tiểu bang Florida (Hoa-kỳ), giáo sư biết được địa chỉ của tôi nên đã viết thư liên lạc ngay, rồi khi giáo sư và phu nhân dọn về ở chung với gia đình ái nữ thứ hai ở Galveston, Texas, vợ chồng chúng tôi đã xuống thăm



ngay. Từ đó, giáo sư và tôi thường xuyên thư từ cho nhau. Đến khi gia đình giáo sư dọn lên ở thành phố Alexandria, tiểu bang Virginia, thì giáo sư và phu nhân hai lần xuống Dallas thăm vợ chồng tôi và tôi cũng mấy lần lên Alexandria thăm giáo sư và phu nhân.

Năm 1990, lúc tôi nộp đơn xin theo học ngành Luật Ngân Hàng Quốc Tế tại Trường Luật thuộc Viện Đại Học Boston, giáo sư đã viết thư giới thiệu tôi với nhà trường (một người giới thiệu nữa là giáo sư Nguyễn-văn-Canh, bạn học của tôi tại ban Cao học Công pháp Trường Luật Sài-gòn).

Chỉ từ năm 1995, vì nhà tôi mắc chứng nan y ngày một nặng mà các con thì sống ở xa, chỉ có hai vợ chồng sống với nhau mà thôi, nên tôi không thể đi thăm giáo sư và phu nhân được. Ngay cả có lần giáo sư dùng chân ở phi trường Dallas-Fort Worth, chờ đợi phi cơ đi California, giáo sư có gọi điện thoại cho tôi, rủ ra phi trường gặp giáo sư, nhưng kẹt vì không biết trước không thể nhờ ai trông nom nhà tôi, nên tôi không đi gặp giáo sư được. Thật là đáng tiếc.

Không những là giáo sư thích tôi, mà cả phu nhân cũng quý vợ chồng con cái chúng tôi. Những lúc đi chơi, dù là gần hay xa, bao giờ giáo sư và phu nhân cũng rủ vợ chồng chúng tôi và các cháu cùng đi. Vì ở nhà chúng tôi gọi các con bằng tên súc vật, nên giáo sư và phu nhân lúc nào cũng gọi tên súc vật của các cháu, chứ không bao giờ gọi tên thật của chúng. Cho đến hiện nay các cháu đã 40-50 tuổi cả rồi, nhưng hễ hỏi thăm đến các cháu giáo sư hay phu nhân vẫn gọi tên súc vật của các cháu.

Do vậy, mỗi khi có cháu nào đi công tác ở Virginia hay Washington, D.C., bao giờ cũng thay mặt vợ chồng chúng tôi liên lạc hỏi thăm giáo sư và phu nhân. Lần cuối cùng, tháng 7/2007, một người con gái chúng tôi (là luật sư) trong dịp đi công tác ở Virginia đã gọi điện thoại, xin lại thăm, nhưng vì giáo sư sắp đi xa không gặp được mà chỉ nói chuyện điện thoại khoảng nửa giờ thôi. Như đã nói ở đầu bài này, lúc đó giáo sư cho biết chỉ có già thôi, chứ vẫn còn khỏe mạnh, chẳng có bệnh tật gì. Không ngờ nay đọc báo mới biết tin giáo sư đã qua đời, tôi có điện thoại cho cháu hay, cháu cũng ngạc nhiên.

Tôi ân hận mãi là mấy năm nay chưa có dịp nào lên thăm gia đình giáo sư cả. Giờ đây tôi chỉ còn biết cầu nguyện cho hương hồn giáo sư chóng được tiêu diêu miền Cực Lạc và xin được chia buồn cùng phu nhân và bảo quyến.

Tạ Quốc Tuấn



HỒI TƯỞNG

- * * * * *
- * * * * *

*Những hồi tưởng ngọt ngào và thiện mỹ,
Ngập thắm tâm và ý thứ trong ta.
Những tươi vui của ngày tháng đã qua,
Giúp ta sống qua cảnh đời nghiệt ngã.*

*Những ký ức êm đềm ve vuốt lạ,
Đỡ nâng ta trong thế giới hung tàn,
Để đương đầu với những nỗi gian nan,
Không sợ hãi và không lo trốn tránh.*

*Trong những lúc tinh thần không sức mạnh,
Và đường đời như u ám tương lai,
Ta thả hồn về những tháng năm vui,
Tìm an ủi trong vòng tay ký ức.*

*Dem hồi tưởng làm hành trang cất bước,
Ta vững lòng đối diện với nhân gian.*

*Hồi những người đang thất vọng hoang mang,
Vì nhân thế đã đang tâm chống bang,
Xin hãy nhớ hướng tâm về dĩ vãng,
Vì muôn đời ký ức vẫn bên ta.*

Mùi Quý Bông dịch

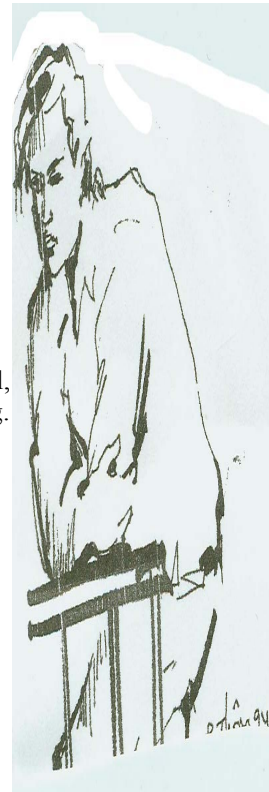
* * * * *

MEMORIES

Memories so sweet and good,
Fill my heart and mind.
Memories of pleasant things past,
Help to carry me when life' unkind.
These remembrances soften,
And touch my very being,
When the world seems too cruel,
Memories keep me from fleeing.
I can remember the good times,
Whenever the path seems bleak,
And memories will comfort me,
Eventhough my spirit is weak.
Armed with fond memories,
To reassure my soul,
I feel that I am capable,
Of facing the world more bold.
So, when the world' against you,
And you feel quite in despair,
Just remember where you can turn,
For memories will always be there.

Mui Quy Dan Vy

First Place, Poetry, Young Authors contest.



St. Barnard Parish, Louisiana, USA, 1988.